

**KỶ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)**

**Khoá ngày: 18/08/ 2019
DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
Ca thi 1-Phòng máy 1: 7 giờ 00 - Cơ Bản									
1	1CB01	Võ Mai	Anh	05/03/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
2	1CB02	Tổng Huyền	Anh	06/01/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
3	1CB03	Vương Thoại	Anh	27/10/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
4	1CB04	Mai Thị Kim	Chi	03/06/1999	Long An	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
5	1CB05	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Duy	24/11/2000	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
6	1CB06	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	18/10/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
7	1CB07	Phạm Thu	Hà	14/10/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
8	1CB08	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	19/09/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
9	1CB09	Võ Thị Diễm	Hồng	30/06/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
10	1CB10	Phạm Minh	Khánh	13/01/1996	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
11	1CB11	Triệu Kim	Long	09/09/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
12	1CB12	Nguyễn Thị	Mơ	02/05/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
13	1CB13	Nguyễn Thị Diễm	My	09/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
14	1CB14	Huỳnh Thị Tuyết	Nga	09/01/2003	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
15	1CB15	Trần Trọng	Nghĩa	26/12/1996	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
16	1CB16	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	22/09/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
17	1CB17	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	04/04/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
18	1CB18	Dương Thị Ngọc	Phụng	17/07/1997	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
19	1CB19	Nguyễn Hoàng	Phương	04/03/2004	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
20	1CB20	Phún Tiêu San	San	06/12/2006	Đồng Nai	Nữ	Hoa	7:00	P.Máy 1
21	1CB21	Cao Thị Kim	Tiểu	14/11/1989	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
22	1CB22	Võ Thị Bích	Tuyền	09/09/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
23	1CB23	Trần Thị Kim	Thơ	08/08/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
24	1CB24	Dương Thị Việt	Trinh	07/09/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
25	1CB25	Lê Đức	Trọng	16/01/2000	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
26	1CB26	Phạm Lê Thảo	Vy	13/07/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
Ca thi 2-Phòng máy 1: 9 giờ 30 - Cơ Bản									
27	2CB01	Huỳnh Phạm Chí	Bảo	20/07/2000	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
28	2CB02	Đào Thị Thanh	Bình	17/11/1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
29	2CB03	Lê Thị Thùy	Duy	07/09/2000	Long An	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
30	2CB04	Lê Tuấn	Duy	25/01/1996	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
31	2CB05	Nguyễn Thị	Hòa	17/03/1982	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
32	2CB06	Bùi Minh	Hoàng	20/05/1995	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
33	2CB07	Lý	Huỳnh	17/12/2003	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
34	2CB08	Lê Ngọc Như	Huỳnh	07/05/1997	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
35	2CB09	Ngô Thị Thảo	Ly	17/09/2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
36	2CB10	Hồ Như	Ngoc	04/02/2005	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
37	2CB11	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	03/07/1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
38	2CB12	Võ Thị Quỳnh	Quyên	08/01/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
39	2CB13	Đặng Kim	Tuyền	26/07/1988	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
40	2CB14	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	07/07/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
41	2CB15	Nguyễn Thị Khả	Thi	24/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
42	2CB16	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	07/07/2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
43	2CB17	Lâm Thị Kiều	Trang	09/05/1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
44	2CB18	Lâm Thị Thanh	Trúc	22/09/1989	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
45	2CB19	Trần Thị Cẩm	Vàng	18/07/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
46	2CB20	Tô Thị Trương	Vi	08/05/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
Ca thi 2-Phòng máy 1:					9 giờ 30 - Nâng Cao				
47	2NC01	Trần Quốc	Anh	26/09/1979	Đồng Nai	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
48	2NC02	Lê Thị	Hạnh	11/03/2000	Tiền Giang	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
49	2NC03	Nguyễn Minh	Nhật	15/06/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
50	2NC04	Huỳnh Thị Kim	Quản	23/08/2002	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
51	2NC05	Trần Thị Thanh	Thúy	06/10/1982	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
52	2NC06	Ngô Minh Nam	Văn	16/05/2001	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
Ca thi 3-Phòng máy 1:					13 giờ 00 – Cơ Bản				
53	3CB01	Lê Thị Như	Hào	28/11/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
54	3CB02	Châu Lệ	Hằng	11/08/1999	Bình Phước	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
55	3CB03	Nguyễn Thị Thu	Hiên	16/06/1996	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
56	3CB04	Mai Lê	Khanh	23/05/1997	Bến Tre	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
57	3CB05	Hà Minh	Luân	19/08/1997	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
58	3CB06	Nguyễn Trương Hà	Mi	18/10/2006	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
59	3CB07	Võ Thị Hồng	Nga	15/05/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
60	3CB08	Nguyễn Minh	Nghĩa	20/11/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
61	3CB09	Nguyễn Hoàng Hải	Ngọc	13/11/1996	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
62	3CB10	Phạm Văn Thị Thảo	Nguyên	20/11/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
63	3CB11	Phan Minh	Nhật	01/11/1992	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
64	3CB12	Huỳnh Minh	Sang	27/02/1979	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
65	3CB13	Hồ Minh	Tánh	25/01/1989	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
66	3CB14	Lê Minh	Tú	06/05/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
67	3CB15	Đặng Thị Hồng	Thắm	16/03/1983	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
68	3CB16	Nguyễn Chí	Thông	03/03/1998	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
69	3CB17	Trần Văn	Thơm	20/06/1997	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
70	3CB18	Võ Thị Ngọc	Trân	08/12/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
71	3CB19	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	24/08/2003	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
72	3CB20	Đỗ Hùng	Cường	15/07/1997	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1

Danh sách có 72 thí sinh đủ điều kiện dự thi
Trong đó có 66 thí cơ bản và 06 thí nâng cao

TP Tây Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Trần Lệ Uyên